

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05 /2023/HS-ST.

Ngày: 01 - 02 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Vũ Quang Chung.

Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Phiếu và ông Lương Mạnh Tường.

- *Thư ký phiên toà:* ông Bùi Quang Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên toà:* ông Đặng Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 91/2022/HSST ngày 23/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 18/01/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Ngọc T** sinh năm 1995, tại N, tỉnh Ninh Bình; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giáo viên; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, hiện bị Đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 58-QĐUBKTHU ngày 21/12/2022 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Gia Viễn; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phạm Ngọc H, con bà: Lê Thị Y; vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

* Bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1973.

Trú tại: Thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

* Người làm chứng: Chị Bùi Bích N sinh năm 1994; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc T cư trú và sinh sống giáp với gia đình bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1973 tại thôn B, xã L, huyện N. Gia đình bà Đ kinh doanh hàng tạp hóa. Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 30/10/2022, Phạm Ngọc T sang nhà bà Đ mua nước ngọt. Khi sang T gặp chị Bùi Bích N (là con gái bà Đ) bán nước ngọt cho T, sau đó T đi về nhà. Sau khi T về, bà Đ khóa cửa ra vào trước nhà nhưng quên không đóng cửa lối sau nhà, rồi cùng chị N đi vào tỉnh Thanh Hóa chơi. Khoảng 09 giờ 45 phút cùng ngày, Phạm Ngọc T đi ra vườn nhà mình cho gà ăn đã phát hiện thấy cửa sau nhà bà Đ mở nên nảy sinh ý định sang nhà bà Đ trộm cắp tài sản. T trèo qua tường bao phía Tây vườn nhà mình để sang vườn sau nhà ông Ngô Văn L rồi đi sang vườn phía sau nhà bà Đ. T đi theo lối cửa sau vào nhà bà Đ, sau đó T mở cửa buồng ngủ (bà Đ không khóa) đi vào trong buồng nhà bà Đ tìm tài sản để trộm cắp. T đi vào trong phòng ngủ phát hiện có 01 tủ gỗ màu vàng nâu, loại 03 ngăn tủ để ở góc tường hướng Tây Bắc. T đã mở cánh cửa tủ bên trái (không khóa) để tìm tài sản, T đã lấy tại ngăn tủ trên cùng bên trái 02 tập tiền là loại tiền có mệnh giá 500.000 đồng có tổng số tiền là 100.000.000 đồng bà Đ để bên dưới chiếc túi xách cá nhân màu đen, lấy được tiền, T bỏ vào trong túi quần đang mặc rồi đi theo lối cũ về nhà và cất giấu số tiền trộm cắp tại hộp xộp trong phòng kho bên cạnh phòng ngủ của mình trên tầng hai. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bà Đ và chị N về nhà phát hiện cửa sau mở, cánh tủ trong buồng mở nên chị N và bà Đ vào kiểm tra tài sản, đồ đạc trong nhà thì phát hiện bị mất 02 tập tiền, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng có tổng số tiền 100.000.000 đồng. Bà Đ đã làm đơn trình báo Công an xã LP.

Công an xã LP đã tiến hành xác minh ban đầu, triệu tập Phạm Ngọc T do có nghi ngờ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tại Công an, Phạm Ngọc T đã khai nhận trộm cắp số tiền 100.000.000 đồng của bà Đ. Quá trình điều tra Phạm Ngọc T đã tự nguyện giao nộp số tiền 100.000.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nho Quan để trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSNQ-HS ngày 21/12/2022, Viện Kiểm sát nhân huyện Nho Quan truy tố bị cáo Phạm Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ của vụ án, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm Ngọc T từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã LP, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục.

** Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã giao nộp, trả lại tài sản chiếm đoạt. Do đó, về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bị hại trình bày: Chiều ngày 30/10/2022, gia đình phát hiện bị mất số tiền là 100.000.000 đồng, cơ quan Công an đã điều tra phát hiện người trộm cắp tài sản của gia đình là Phạm Ngọc T, T cũng đã giao nộp số tiền trộm cắp, gia đình đã nhận đủ số tiền bị mất, không có yêu cầu gì khác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo phạm tội do bột phát.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp lời khai người bị hại; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa. Đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 30/10/2022, lợi dụng sơ hở của bà Nguyễn Thị Đ; trú tại: thôn B, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình, khi đi vắng không đóng, khóa cửa sau nhà. Phạm Ngọc T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng của bà Đ để trong tủ ở phòng ngủ, mang về nhà cất giấu nhằm mục đích chi tiêu cho nhu cầu cá nhân.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. ...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

.....”

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc T đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi này đã gây nên sự bất an cho chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản. Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện dẫn đến phạm tội. Do đó, cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và cần có hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Như vậy, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời để răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[2] Về nhân thân - tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo có nhân thân tốt.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội bị cáo đã tự giác giao nộp số tiền bị cáo đã chiếm đoạt; được người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Về hình phạt: căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt; có chỗ ở ổn định và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đủ các điều kiện được quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo, với một thời gian thử thách dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú.

Bị cáo nhất thời phạm tội, đã tự giác giao nộp số tiền chiếm đoạt, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Đối với số tiền 100.000.000 đồng Phạm Ngọc T giao nộp, quá trình điều tra xác định đây là số tiền bà Nguyễn Thị Đ vay Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Nho Quan ngày 16/9/2022, để kinh doanh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nho Quan đã trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã giao nộp, trả lại tài sản chiếm đoạt, người bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do đó, về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nho Quan, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Phạm Ngọc T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 (Bốn mươi tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/02/2023).

Bị cáo Phạm Ngọc T phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Giao bị cáo Phạm Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã LP, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 68 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo lại cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1, Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc Phạm Ngọc T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (01/02/2023)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- CA H. NQ
- Chi cục THADS H. NQ
- Sở Tư pháp NB;
- Bị cáo;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Quang Chung.

